

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 141/2022/HS-ST.

Ngày: 24-8-2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thanh Phương.

2. Bà Lê Thị Kim Xuyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2022/TLST- HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022 đối với:

\* Bị cáo: **Trần S**, giới tính: Nam.

Sinh ngày 07 tháng 12 năm 1951 tại tỉnh Long An.

HKTT: 65/20, Trần Hưng Đ, phường, quận N, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: 1177 chung cư D đường Huỳnh Tấn Phát, phường P, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Phiên dịch tiếng Trung Quốc; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần H, sinh năm 1926 (đã chết) và bà Lôi An N1, sinh năm 1929 (đã chết); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 07 anh em. Bị cáo có vợ đầu tên là Nguyễn Thị B (sinh năm 1953) đã ly hôn năm 1980, vợ thứ hai tên là Phạm Thị N2 (sinh năm 1960) và có 02 con, lớn sinh năm 1974, nhỏ sinh năm 1976.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 57/LCCT-VKS-NT ngày 04/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

(Bị cáo có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Năm 2003, Trần S vào làm việc tại công ty TNHH xây dựng S2 (công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài, chứng nhận đầu tư số: 4720.2300.0289, địa chỉ: đường 25C, KCN Nhơn Trạch III, Nhơn Trạch, Đồng Nai).

Năm 2000, Yeh Kun S1, sinh ngày 30/5/1963, quốc tịch Đài Loan, hộ chiếu số 300223339, nhập cảnh vào Việt Nam. Từ tháng 03/2006 đến tháng 9/2007 làm việc tại công ty TNHH xây dựng S2, chức danh Giám đốc công vụ. Sau khi nghỉ việc, S1 lập trang trại nuôi heo và sống như vợ chồng với Lê Thị T (sinh năm 1970) tại ấp Ô, xã T1, huyện T2, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 2003, Yen Yao K sinh ngày 10/5/1970, quốc tịch Đài Loan, hộ chiếu số 200475036 nhập cảnh vào Việt Nam. Từ 15/5/2007 đến 15/10/2009 làm việc tại công ty TNHH xây dựng S2 chức danh giám đốc thiết kế. Sau khi nghỉ việc Yen Yao K đến làm việc ở các công ty Full Power ở Dĩ An, tỉnh Bình Dương sau đó nghỉ việc, vào làm nhân viên thiết kế cho Công ty TNHH xây dựng Q, địa chỉ: 10C1, khu phố 1, khu biệt thự T3, phường T3, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2007, khi Trần S làm việc tại công ty TNHH xây dựng S2 đã làm giấy phép lao động cho Yen Yao K và Yeh Kun S1 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi nghỉ việc tại công ty TNHH xây dựng S2 thì Yen Yao K và Yeh Kun S1 vẫn sử dụng giấy phép lao động, thẻ tạm trú đã được cấp trước đó. Đến khoảng giữa tháng 12/2009, lúc này Trần S đang làm Giám đốc hành chính phụ trách về vấn đề nhân sự; nhiệm vụ chính là kiểm tra hợp đồng của công ty TNHH xây dựng S2 với các đối tác, kiểm tra công trình, làm thủ tục đăng ký giấy phép lao động và đăng ký tạm trú cho người nước ngoài làm việc tại công ty S2. Tuy nhiên, thời điểm này công ty giải thể, chỉ còn Trần S ở lại trông coi và giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục của công ty, còn công ty thì chuyển về trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh. Vì biết Trần S hay đăng ký tạm trú cho người nước ngoài nên Yen Yao K và Yeh Kun S1 đến nhà Trần S tại ấp 5, xã Hiệp Phước (nay là khu phố Phước Hiệp, thị trấn Hiệp Phước) nhờ Trần S làm giúp giấy phép lao động và giấy tạm trú vẫn lấy danh nghĩa nhân viên công ty S2 để ở lại Việt Nam lâu dài (*thay vì phải gia hạn Visa 03 tháng một lần*). Trần S lấy mẫu đơn trong công ty TNHH xây dựng S2 đã có sẵn điền thông tin của Yen Yao K và Yeh Kun S1 rồi hẹn hai người gặp ở quán cà phê tại ngã tư Hiệp Phước.

Đến khoảng 09 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau, Trần S đến chỗ hẹn với Yen Yao K và Yeh Kun S1 rồi đưa hai bộ hồ sơ đã điền đầy đủ thông tin cho hai người, yêu cầu tự lên văn phòng đại diện công ty S2 tại thành phố Hồ Chí Minh để xin xác nhận. Yen Yao K và Yeh Kun S1 đều nói không thể được vì hai người đã nghỉ việc tại công ty S2. Trong lúc Trần S với Yen Yao K và Yeh Kun S1 đang nói chuyện bằng tiếng Trung thì có 01 nam thanh niên khoảng 30-35 tuổi, dáng người gầy, cao, da ngăm đen không rõ nhân thân lai lịch từ bàn kế bên qua chào hỏi, làm quen bằng tiếng Trung rồi nói tiếng Việt với Trần S rằng đã nghe được cuộc nói chuyện giữa Trần S với Yen Yao K và Yeh Kun S1. Nếu Trần S cần giúp đỡ thì nam thanh niên này sẽ giúp làm giả con dấu của công ty TNHH xây dựng S2 rồi thanh niên này cho Trần S số điện thoại. Trần S nói lại sự việc cho Yen Yao K và Yeh Kun S1 nghe rồi đi về.

Khoảng 02 ngày sau, Trần S gọi điện thoại cho Yen Yao K và Yeh Kun S1 hỏi về việc nhờ người thanh niên làm con dấu công ty TNHH xây dựng S2 giả thì Yen Yao K và Yeh Kun S1 nói với Trần S “tự xử lý”. Trần S gọi điện thoại cho

nam thanh niên này hẹn 14 giờ 00 gặp tại quán cà phê nói trên. Khi gặp nhau, Trần S yêu cầu nam thanh niên làm con dấu giả hình dấu phải rõ nét và giúp giả chữ ký của Tổng giám đốc công ty TNHH xây dựng S2, vì Trần S đã viết thông tin nên không thể ký giả do sợ cùng nét chữ, nam thanh niên đồng ý và ra giá 1.000.000 đồng. Nam thanh niên yêu cầu Trần S đưa mẫu con dấu, Trần S đưa 01 giấy giới thiệu đã có sẵn chữ ký, con dấu của công ty TNHH xây dựng S2 lúc trước đã cấp cho Yen Yao K để đi công tác. Sau đó Trần S gọi điện thoại báo nội dung sự việc cho Yen Yao K và Yeh Kun S1 biết. Trần S thỏa thuận với Yen Yao K và Yeh Kun S1 về việc làm giả số giấy tờ trên với giá 3.000.000 đồng/người. Cả hai đồng ý, cung cấp hình thẻ, hộ chiếu bản chính cho Trần S để đưa vào hồ sơ.

Khoảng 02 ngày sau vào buổi chiều, nam thanh niên này gọi điện thoại cho Trần S hẹn gặp lúc 10 giờ sáng ngày hôm sau tại quán cà phê cũ. Đúng hẹn Trần S đến nơi và mang theo 02 bộ hồ sơ, Trần S cầm con dấu giả do nam thanh niên đưa và quan sát sơ qua thì thấy rất giống với con dấu thật. Sau khi nam thanh niên ký giả chữ ký của Tổng giám đốc công ty S2 ông Chiu Cheng H1 và đóng dấu giả lên hai bộ hồ sơ của Yen Yao K và Yeh Kun S1 thì Trần S thấy chữ ký giả hơi dài hơn so với chữ ký thật nhưng nếu người ngoài ít được tiếp xúc với chữ ký thật thì sẽ không nhận ra nên Trần S đồng ý nhận và trả tiền 1.000.000 đồng như đã thỏa thuận từ trước. Sau đó Trần S cầm hồ sơ và con dấu giả về phòng trọ.

Trần S mang hồ sơ của Yen Yao K và Yeh Kun S1 đến nộp tại Đồn Công an khu Công nghiệp Nhơn Trạch và nộp tại Phòng Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Đồng Nai. Sau đó, Trần S nhận được giấy phép lao động, thẻ tạm trú của Yen Yao K và Yeh Kun S1. Yen Yao K và Yeh Kun S1 đưa cho Trần S mỗi người 3.000.000 đồng như đã thỏa thuận trước đó.

Đến tháng 03/2010, do cơ quan Công an phát hiện hồ sơ của Yen Yao K và Yeh Kun S1 làm giả nên mời Trần S đến để làm việc. Trần S đã tự nguyện giao nộp lại con dấu giả mà Trần S đã thuê nam thanh niên làm. Sau đó, hồ sơ vụ việc được chuyển đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai để thụ lý điều tra theo thẩm quyền. Do lo sợ bị bắt nên Trần S đã bỏ trốn và bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai truy nã. Trần S trốn đến huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; quận Tân Bình, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 04/2021, do bị nhiễm trùng máu nên Trần S về sống cùng con gái tại số 1177 Huỳnh Tấn Phát, phường P, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian lẩn trốn Trần S làm nghề phiên dịch tiếng Trung để sống, không vi phạm pháp luật. Ngày 16/11/2021, Trần S đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai để đầu thú, mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

*\* Tại Bản kết luận giám định số 8591/GĐ ngày 28/5/2010 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:*

- Hình tròn công ty TNHH xây dựng S2 được đóng trên đơn xác nhận tạm trú; trên danh sách người nước ngoài khai báo tạm trú; trên giấy giới thiệu; trên Công văn đề nghị được tuyển lao động nước ngoài; trên Công văn đề nghị được tuyển lao động nước ngoài vượt quá số lượng theo quy định; trên Công văn đề

ngiht cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài; trên lý lịch tự thuật và trên công văn đề nghị gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài (được ghi ký hiệu từ A1 đến A8) với hình dấu tròn Công ty TNHH xây dựng S2 được đóng trên 02 giấy ủy quyền và trên 02 phụ lục hợp đồng vay vốn (được ghi ký hiệu từ M1 đến M4) là hình dấu không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký CHIU, CHENG –H1 trên đơn xác nhận tạm trú; trên danh sách người nước ngoài khai báo tạm trú; trên giấy giới thiệu; trên công văn đề nghị được tuyển lao động nước ngoài; trên công văn đề nghị cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài vượt quá số lượng theo quy định; trên công văn đề nghị cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài và trên Công văn đề nghị gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài (được ghi ký hiệu từ A1 đến A6, A8) với chữ ký CHIU, CHENG- H1 trên 02 giấy ủy quyền và trên 02 Phụ lục hợp đồng vay vốn (được ký hiệu từ M1 đến M4) là chữ ký không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn Công ty TNHH xây dựng S2 được đóng trên Đơn xác nhận tạm trú; trên Danh sách người nước ngoài khai báo tạm trú; trên Giấy giới thiệu; trên Công văn đề nghị được tuyển lao động nước ngoài; trên Công văn đề nghị được tuyển lao động nước ngoài vượt quá số lượng theo quy định; trên Công văn đề nghị cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài; trên Lý lịch tự thuật và trên Công văn đề nghị gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài (được ghi ký hiệu từ A1 đến A8) với hình dấu tròn Công ty TNHH xây dựng S2 (dấu thực nghiệm) được đóng dấu trên tờ giấy khổ A4 (được ghi ký hiệu A9) là hình dấu do cùng một con dấu đóng ra.

*\* Vật chứng vụ án:*

*Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:*

- + Hộ chiếu Nước CHXHCN Việt Nam số: B4253128 mang tên Trần S.
- + Con dấu tròn có chữ Công ty TNHH xây dựng S2 do Trần S tự nguyện giao nộp (con dấu giả).
- + Giấy phép lao động và thẻ tạm trú số DA012896B2 mang tên Yen Yao K.
- + Giấy phép lao động và thẻ tạm trú số DA012710B2 mang tên Yeh Kun S1.
- + 01 đĩa CD chứa nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa Yen Yao K và Trần S.
- + Số tiền 6.000.000 đồng của bị can Trần S giao nộp.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch, cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 109/CT-VKSNT ngày 10/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố bị cáo Trần S về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan tổ chức*”, quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng vì nhận thấy: Bị cáo là người có đầy đủ*

năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 6.000.000 đồng và nay bị cáo là người trên 70 tuổi nên đề nghị xem xét áp dụng khoản 1 Điều 267, điểm h, m, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần S mức án tù từ 06 tháng tù đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của Trần S đã tự nguyện giao nộp là 6.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội là 01 con dấu tròn có chữ Công ty TNHH xây dựng S2.

Đối với việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật gồm: Hộ chiếu Nước CHXHCN Việt Nam số: B4253128 mang tên Trần S; Giấy phép lao động và thẻ tạm trú số DA012896B2 mang tên Yen Yao K; Giấy phép lao động và thẻ tạm trú số DA012710B2 mang tên Yeh Kun S1; 01 đĩa CD chứa nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa Yen Yao K và Trần S, được lưu giữ kèm trong hồ sơ vụ án.

Đối với Yen Yao K và Yeh Kun S1 là người Đài Loan (Trung Quốc), có hành vi thuê mướn bị cáo Trần S giả mạo hồ sơ giấy tờ để được cấp thẻ tạm trú. Ngày 19/4/2011, Yen Yao K, Yeh Kun S1 đã bị Công an tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được cấp thẻ tạm trú” theo Điều 20, Nghị định 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ. Phạt mỗi đối tượng số tiền 25.000.000 đồng. Thu hồi thẻ tạm trú (DA012896B2 và DA012710B2) và buộc xuất cảnh về nước. Yen Yao K và Yeh Kun S1 đã chấp hành xong các quyết định trên.

Đối với đối tượng thanh niên là người cùng với bị cáo Trần S làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức, nhưng chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng; bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm trở về với gia đình vì bản thân đã rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và nay tuổi đã già, sức đã yếu lại thường hay bệnh tật rất cần tình cảm, sự chăm sóc của con cháu, gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Vào khoảng cuối tháng 12 năm 2009, tại khu Công nghiệp Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo Trần S đã có hành vi nhận làm giả giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho Yen Yao K và Yeh Kun S1 với danh nghĩa là nhân viên công ty TNHH xây dựng S2 để ở lại Việt Nam lâu dài (*thay vì phải gia hạn Visa 03 tháng một lần*) khi cả hai đã nghỉ việc tại công ty TNHH xây dựng S2 với giá 3.000.000 đồng cho một người. Sau đó, bị cáo Trần S nhờ lại một đối tượng thanh niên (không rõ nhân thân) làm với giá 1.000.000 đồng cho một người. Tổng cộng số tiền mà Trần S thu nhập bất chính từ việc làm giấy tờ giả cho Yen Yao K và Yeh Kun S1 là 6.000.000 đồng.

Do đó, có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố tội danh của bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo nhận thức được hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi, bất chấp pháp luật mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo đã xâm phạm hoạt động đúng đắn bình thường và uy tín của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 6.000.000 đồng; Bị cáo đã ra đầu thú; Bị cáo là người cao tuổi, lại mang bệnh tật của tuổi già; từ tháng 04/2021, do bị nhiễm trùng máu nên bị cáo Trần S về sống cùng con gái tại số 1177 Huỳnh Tấn Phát, phường P, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian lẫn trốn, bị cáo làm nghề phiên dịch tiếng Trung Quốc để sống, không vi phạm pháp luật. Hơn nữa, sự việc đã được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, các vật chứng đã được thu giữ đầy đủ, không để hậu quả xảy ra. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật hình sự, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng pháp luật của Nhà nước.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Do vậy, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mà cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định một thời gian thử thách theo quy định Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm của chính sách pháp luật hình sự. Đồng thời, cũng đủ để bị cáo nhận thức, cải tạo trở thành công dân lương thiện, giảm gánh nặng cho xã hội, tạo cơ hội cho bị cáo sớm trở

về với gia đình, hòa nhập cộng đồng với tuổi già sống vui, sống khỏe, sống có ích.

[3] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo Trần S đã tự nguyện giao nộp là 6.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội là 01 con dấu tròn có chữ Công ty TNHH xây dựng S2.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần S thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Vấn đề khác:

Đối với việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật gồm: Hộ chiếu Nước CHXHCN Việt Nam số: B4253128 mang tên Trần S; Giấy phép lao động và thẻ tạm trú số DA012896B2 mang tên Yen Yao K; Giấy phép lao động và thẻ tạm trú số DA012710B2 mang tên Yeh Kun S1; 01 đĩa CD chứa nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa Yen Yao K và Trần S, được lưu giữ kèm trong hồ sơ vụ án.

Đối với Yen Yao K và Yeh Kun S1 là người Đài Loan (Trung Quốc), có hành vi thuê mướn bị cáo Trần S giả mạo hồ sơ giấy tờ để được cấp thẻ tạm trú. Ngày 19/4/2011, Yen Yao K, Yeh Kun S1 đã bị Công an tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được cấp thẻ tạm trú” theo Điều 20, Nghị định 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ. Phạt mỗi đối tượng số tiền 25.000.000 đồng. Thu hồi thẻ tạm trú (DA012896B2 và DA012710B2) và buộc xuất cảnh về nước. Yen Yao K và Yeh Kun S1 đã chấp hành xong các quyết định trên.

Đối với đối tượng thanh niên là người cùng với bị cáo Trần S làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức, nhưng chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 267, điểm h, m, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố bị cáo **Trần S** phạm tội **“Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan tổ chức”**.

Xử phạt bị cáo **Trần S** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Trần S** cho Ủy ban nhân dân phường P, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của **Trần S** đã tự nguyện giao nộp là 6.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội là 01 con dấu tròn có chữ Công ty TNHH xây dựng S2.

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/7/2022 và giấy nộp tiền liên quan).

Đối với việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật gồm: Hộ chiếu Nước CHXHCN Việt Nam số: B4253128 mang tên **Trần S**; Giấy phép lao động và thẻ tạm trú số DA012896B2 mang tên **Yen Yao K**; Giấy phép lao động và thẻ tạm trú số DA012710B2 mang tên **Yeh Kun S1**; 01 đĩa CD chứa nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa **Yen Yao K** và **Trần S**, được lưu giữ kèm trong hồ sơ vụ án.

Đối với **Yen Yao K** và **Yeh Kun S1** là người Đài Loan (Trung Quốc), có hành vi thuê mướn bị cáo **Trần S** giả mạo hồ sơ giấy tờ để được cấp thẻ tạm trú. Ngày 19/4/2011, **Yen Yao K**, **Yeh Kun S1** đã bị Công an tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được cấp thẻ tạm trú” theo Điều 20, Nghị định 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ. Phạt mỗi đối tượng số tiền 25.000.000 đồng. Thu hồi thẻ tạm trú (DA012896B2 và DA012710B2) và buộc xuất cảnh về nước. **Yen Yao K** và **Yeh Kun S1** đã chấp hành xong các quyết định trên.

Đối với đối tượng thanh niên là người cùng với bị cáo **Trần S** làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức, nhưng chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

**Về án phí:** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Trần S** không phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, vì thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016



của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Nhơn Trạch;
- Công an H. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS H. Nhơn Trạch;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hường**